

Bản án số: 241/2020/HC-PT

Ngày: 14/8/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Dũng;

Các Thẩm phán:

Bà Phan Thị Vân Hương;

Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 02/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2019/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5586/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Bùi Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trụ sở: Số 35, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ: Thị trấn Kim Tân, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/4/2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện bà Bùi Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày:*

Gia đình bà Bùi Thị L sử dụng đất tại Thôn B, xã L, huyện T từ năm 1985, ổn định không có tranh chấp và chưa có giấy tờ. Năm 2004 thực hiện dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh, nhà nước đã thu hồi của gia đình bà L diện tích 2.672m² tại thửa số 151, 191, 244, 259; tờ bản đồ số 6, 7+ 8, 9, trong đó các loại đất bị thu hồi cụ thể là: đất ở 175m², đất trồng mía 2.557m², bà L không được nhận Quyết định phê duyệt bồi thường. Bà L chỉ được bồi thường đất ở với giá 40.000đ/m²; đất trồng mía 9.800đ/m². Tháng 2/2005 bà L đã nhận tiền bồi thường các loại đất là 29.658.600đ.

Sau khi nhận tiền bồi thường, bà L không biết quyền lợi của mình bị thiệt hại, đến năm 2017 nghe các hộ dân ở huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình cũng có đất bị thu hồi mà được bồi thường đất ở với giá 260.000đ/m², đến năm 2013 còn được bồi thường bổ sung 160.000đ/m² nên bà L cùng với 54 hộ dân ở xã L ủy quyền cho ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A khiếu nại về việc UBND huyện T áp giá bồi thường cho các hộ không đúng. Tại quyết định giải quyết khiếu nại (sau đây gọi tắt là QĐGQKN) số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân.

Không đồng ý với QĐGQKN của Chủ tịch UBND huyện T, ông Trần, ông Ảnh đại diện cho các hộ dân tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với nội dung: Đất ở của 54 hộ dân xã L nằm ở vị trí 1 khu vực 2 nhưng UBND huyện T xác định vị trí 3 khu vực 2 là không đúng; UBND huyện T không bồi thường theo Quyết định số 4307/2004/UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh quy định đơn giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là không đảm bảo quyền lợi cho các hộ dân.

Tại QĐGQKN số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với nội dung: Khiếu nại của ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A là không có cơ sở.

Không đồng ý với các QĐGQKN nói trên, bà Bùi Thị L cùng với 54 hộ dân có đơn khởi kiện và tiếp tục ủy quyền cho ông Trần, ông Ảnh yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết:

Hủy QĐGQKN số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; hủy QĐGQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 Chủ tịch UBND huyện T và yêu cầu áp giá bồi thường lại cho bà theo đúng quy định của pháp luật.

** Tại văn bản ý kiến số 7803/UBND - TD ngày 24/6/2019, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa trình bày:*

Tháng 01/2018 ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A đại diện cho 54 hộ dân ở xã L, huyện T có đơn khiếu nại đối với QĐGQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T với nội dung: Đất ở của 54 hộ dân xã L nằm ở vị trí 1, khu vực 2, nhưng UBND huyện T khi thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đường Hồ Chí Minh (năm 2005) đã xác định vị trí 3, khu vực 2 là không đúng.

Căn cứ Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 và Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND huyện T đã ban hành hai Quyết định để phân khu vực và vị trí đất ở của các xã trên địa bàn huyện T: Tại Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 và Quyết định số 900/2005/QĐ-UBND ngày 15/8/2005, UBND huyện T đã áp dụng khoản 1, Mục III, Phần B của “Bảng phân loại đường và vị trí để xác định giá đất” ban hành kèm theo Quyết định xác định đất tại khu vực dọc đường Hồ Chí Minh thuộc xã L là đất thuộc vị trí 1, đường loại III (giá đất ở 35.0000/m²) không phân thành khu vực 1, 2, 3.

Căn cứ Quyết định số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh từ Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã L xác định bồi thường giá đất ở cho các hộ dân xã L là 35.000đ/m².

Ngày 30/12/2004, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND về việc “Qui định giá các loại đất” để thay thế Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 3207/TB-UB ngày 16/8/2004: *“Do xã L ở địa bàn giáp ranh với tỉnh Hòa Bình và là xã đặc biệt khó khăn nên thống nhất giá đền bù thiệt hại đối với những hạng mục mà đơn giá đền bù của tỉnh Thanh Hóa thấp hơn với đơn giá đền bù của tỉnh Hòa Bình thì cho áp dụng đơn giá của tỉnh Hòa Bình”*.

Ngày 15/02/2005 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 457/QĐ-CT về việc phê duyệt điều chỉnh tăng dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh từ Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã L đã điều chỉnh tăng mức bồi thường về giá đất ở cho tất cả các hộ dân được tăng thêm 5.000đ/m² (từ 35.000 đ/m² lên 40.000/m²).

Ngày 23/02/2005, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 526/QĐ-CT về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung tăng dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh từ Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã L đã điều chỉnh tăng mức bồi thường về giá đất vườn, đất nông nghiệp và tăng thêm mức hỗ trợ đời sống.

Đối với đất ở, tất cả các hộ dân của xã L đều được áp dụng đơn giá cùng vị trí như nhau với mức 40.000đ/m² là mức giá cao nhất của địa bàn xã L (tương ứng với vị trí 3 của khu vực 1, xã miền núi theo Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh).

Việc Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng (sau đây gọi tắt là Hội đồng BTGPMB) huyện T bồi thường đất ở cho 54 hộ dân của xã L theo mức giá 40.000đ/m² tại thời điểm tháng 02/2005 là có lợi cho dân theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 3207/TB-UB ngày 16/8/2004, đúng với mức giá qui định tại Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh và đúng với qui định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 30/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Do vậy việc các công dân đòi được áp giá bồi thường đất ở theo vị trí 1, khu vực 2 của xã miền núi và khiếu nại “UBND huyện T bồi thường đất ở cho 54 hộ dân xã L huyện T không theo đơn giá đất qui định tại Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa” là không có cơ sở.

Ngày 30/3/2018, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1096/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của của ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A đại diện cho 54 hộ dân ở xã L, huyện T (trong đó có bà Bùi Thị L).

** Tại Văn bản số 1635/UBND-TTr ngày 28/8/2019, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T trình bày:*

- Về hồ sơ quản lý đất đai: Từ năm 2003 trở về trước tại khu vực thôn Đồi, Thôn B, thôn Thống Nhất xã L không có hồ sơ quản lý đến từng thửa đất. Đến năm 2003 khi thực hiện dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ mới có “Sơ đồ tuyến đường Hồ Chí Minh” tại xã L từ Km 95+600 đến Km 100, được Sở TNMT tỉnh Thanh hóa phê duyệt. Trên sơ đồ này phản ánh hiện trạng đường mòn Hồ Chí Minh cũ và chỉ giới GPMB xây dựng đường Hồ Chí Minh mới. Hiện trạng đường Hồ Chí Minh trước khi thực hiện dự án là đường đất có chiều rộng khoảng 4-5m. Thời điểm bắt đầu kiểm kê thực hiện dự án tại xã L tháng 3/2004 (áp dụng Luật đất đai 1993 sửa đổi năm 2001), GPMB xong tháng 2/2005, thông tuyến đưa vào sử dụng năm 2007.

- Về căn cứ xác định vị trí đất và áp giá bồi thường: Tất cả các hộ đều được xác định vị trí 1 của đường loại III và áp giá theo gạch đầu dòng thứ 4 tại khoản 1, mục III của Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 của UBND huyện T “quy định giá các loại đất trên địa bàn huyện T” (giá đất ở 35.000đ/m²). Cơ sở để UBND huyện ban hành Quyết định quy định bảng giá đất là tại Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh về

việc “quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”, tại Điều 3 giao cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ tiêu chuẩn phân loại đường phố thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở xác định giá đất và mức thu tiền đất. UBND huyện T đã căn cứ vào điều kiện phát triển hạ tầng của từng khu vực và nhóm các xã thành các khu vực, từ đó phân ra các loại đường để xác định giá đất.

Tại Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh, tại Điều 2 vẫn giao cho UBND các huyện tiến hành phân vùng, phân hạng, phân vị trí, phân loại đất để làm cơ sở áp giá, theo đó ngày 15/8/2005 UBND huyện ban hành Quyết định số 900/2005/QĐ-UBND quy định giá đất tại thôn Thống Nhất là 40.000đ/m²; thôn Đồi và Thôn B là 22.000đ/m².

- Về việc phê duyệt bồi thường: Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh tại huyện T do UBND tỉnh phê duyệt bồi thường tại các Quyết định: số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004; số 4025/QĐ-CT ngày 24/12/2004; số 457/QĐ-UBND ngày 15/02/2005; và số 526/QĐ-CT ngày 23/02/2005. UBND huyện T không ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, UBND huyện chỉ tham gia thành viên Ban GPMB trình UBND tỉnh ký và trực tiếp chi trả đền bù, sau khi có khiếu nại thì Chủ tịch UBND huyện ban hành QĐGQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018.

Hiện nay có 54 hộ dân đang khiếu kiện chưa đồng ý với giá bồi thường về đất, trong đó bà Bùi Thị L được Hội đồng BTGPMB áp giá đất ở là 35.000đ/m². Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có Thông báo số 3207/TB ngày 16/8/2004 với nội dung xã L được áp dụng giá giống như tỉnh Hòa Bình nên UBND tỉnh đã có Quyết định phê duyệt bổ sung nâng mức bồi thường cho các hộ lên 40.000đ/m². Cùng thời điểm đó, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình cũng thực hiện dự án nhưng đến năm 2017 mới có kinh phí, giá bồi thường của tỉnh Hòa Bình được áp dụng tại thời điểm chi trả nên cao hơn, việc các hộ dân so sánh là không đúng.

Việc xác định vị trí, giá đất đối với bà Bùi Thị L là đúng quy định của pháp luật.

* *Chủ tịch UBND xã L trình bày:* Thống nhất với quan điểm giải quyết của UBND huyện T và bổ sung thêm: Năm 2001 đã có bản đồ tuyến và có giấy xác nhận nguồn gốc đất của địa phương thì các hộ dân mới có cơ sở để được đền bù về đất.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và tiến hành đối thoại theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính, nhưng người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T và người đại diện của UBND xã L vắng mặt; người khởi kiện đã có đơn đề nghị

Tòa án không tiếp tục đổi loại lần 2, do đó vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2019/HC-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ: Điều 39 Luật đất đai 2003; khoản 2 Điều 8 Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

Bác đơn khởi kiện của bà Bùi Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T, hủy Quyết định số 1096/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc Tr, ông Bùi Quang A và một số công dân xã L, huyện T và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện bồi thường lại đối với hộ bà Bùi Thị L.

Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/11/2019, người khởi kiện là bà Bùi Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng, phiên tòa đã được triệu tập lần thứ 2, đương sự được triệu tập có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, phù hợp quy định Luật Tố tụng hành chính nên đề nghị xét xử vắng mặt. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của bà Bùi Thị L đề nghị hủy QĐGQKN của Chủ tịch UBND huyện T và QĐGQKN của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định các

nội dung như sau là có căn cứ:

Về thẩm quyền ban hành, các QĐGQKN của Chủ tịch UBND huyện T và của Chủ tịch UBND tỉnh được ban hành đúng quy định tại Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

Về thời hiệu giải quyết khiếu nại, các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh tại xã L từ Km 95+600 đến Km 100 được UBND tỉnh ban hành từ năm 2004 đến năm 2006, trong đó việc bồi thường các loại đất của bà L được phê duyệt trong năm 2004, bà L đã nhận tiền bồi thường tháng 2/2005, đến ngày 24/11/2017 (sau 12 năm) ông Trần, ông Ảnh mới đại diện cho 54 hộ đi khiếu nại về đơn giá bồi thường đất ở là đã quá thời hiệu khiếu nại (Điều 9; khoản 6 Điều 11 Luật khiếu nại), tuy nhiên do thời gian thực hiện dự án đã lâu, tại Tòa án không có căn cứ chứng minh UBND huyện T đã thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hoặc các hộ đã được nhận Quyết định phê duyệt phương án bồi thường nên cần rút kinh nghiệm đối với UBND huyện T.

[2] Về nội dung, căn cứ giải quyết khiếu nại:

Tại Quyết định số 3506/QĐ-UBND ngày 04/11/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa, kèm theo Tờ trình số 348/TTr-UB ngày 18/6/2004 của UBND huyện T (BL138, 142, 143, 144), bà L bị thu hồi tổng diện tích 2.672m² gồm đất ở 115m², đất trồng mía 2.557m² tại thửa số 151, 191, 259, 244, tờ bản đồ 6, 7+8, 9, thuộc “Sơ đồ tuyến đường Hồ Chí Minh”. Bà L thừa nhận bà đã nhận đủ tiền bồi thường về đất với tổng số tiền là 29.658.600đ, với đơn giá đất ở 40.000đ/m², đất trồng mía 9.800đ/m² (BL89, 93). Tuy nhiên, đến năm 2017 bà L và các hộ ủy quyền cho ông Trần, ông Ảnh khiếu nại cho rằng “UBND huyện T thu hồi đất năm 2005 nhưng khi thực hiện bồi thường áp dụng đơn giá cũ không áp dụng đơn giá năm 2005”. Tại QĐGQKN số 90 của Chủ tịch UBND huyện T không chấp nhận khiếu nại của ông Trần, ông Ảnh đại diện cho các hộ. Sau khi được Chủ tịch UBND huyện ban hành QĐGQKN lần 1, nội dung khiếu nại tiếp theo của ông Trần, ông Ảnh đại diện cho các hộ là: “Đất ở của các hộ dân nằm ở vị trí 1, khu vực 2, nhưng khi thực hiện bồi thường UBND huyện xác định vị trí 3 khu vực 2 là không đúng” (BL114).

Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 4 Điều 56 Luật đất đai năm 2003 có quy định: “...Giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định được công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 hàng năm, được sử dụng làm căn cứ để tính thuế sử dụng đất, ..., bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất ...”. Tuy nhiên tại thời điểm thực hiện dự án, tại Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh Thanh Hóa về “quy định giá các loại đất” chỉ quy định khung đối với đất ở nông thôn miền núi thấp nhất là 5.600đ/m², cao

nhất là 16.100đ/m²; đất nông nghiệp cao nhất là 9.800đ/m², thấp nhất là 870đ/m² (BL154) và tại Điều 3 “*Giao cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ tiêu chuẩn phân loại đường phố để quy định loại đường phố thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở xác định giá đất và mức thu tiền đất*” (BL155). Theo đó, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 về việc “*quy định giá các loại đất*”, trong đó đất ở khu vực dọc đường Hồ Chí Minh tại xã L thuộc vị trí 1 của đường loại III giá 35.000đ/m²; về đất nông nghiệp giữ nguyên mức giá như Quyết định 1531, trong đó cao nhất là hạng 2, đơn giá 9.800đ/m² (BL102).

Việc UBND huyện T ban hành Quyết định phân loại đường và quy định bảng giá đất trên địa bàn huyện là thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh, mặt khác việc phân loại đường phù hợp với Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ, cụ thể tại khoản 2 Điều 8 về “*phương pháp xác định giá các loại đất*” quy định đất ở nông thôn được chia ba khu vực, khu vực 1 là đất có mặt tiền tiếp giáp với trục giao thông chính nằm tại trung tâm xã, cụm xã; khu vực 2 nằm ven các trục giao thông liên thôn, tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất; khu vực 3 là những vị trí còn lại.

Trong thực tế đất của các hộ nằm dọc đường mòn Hồ Chí Minh cũ không tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ ..., do đó không thuộc khu vực 2 mà thuộc khu vực 3. Theo đó, tại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND tỉnh Thanh Hóa xác định đất ở của các hộ tại Km95+600 đến Km100 đều thuộc vị trí 1 đường loại III, đơn giá 35.000đ/m². Sau đó xuất phát từ tình hình của xã L là xã đặc biệt khó khăn, Chủ tịch UBND tỉnh đã có Văn bản số 3207/TB-UBND ngày 16/8/2004 chỉ đạo nâng mức giá bồi thường thiệt hại và hỗ trợ theo đơn giá giáp ranh của tỉnh Hòa Bình, theo đó ngày 15/02/2005, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 457/QĐ-CT về việc phê duyệt điều chỉnh tăng dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh qua xã L về đất ở cho tất cả các hộ thêm 5.000đ/m². Về đất sản xuất nông nghiệp, các hộ đều được áp dụng đơn giá bồi thường 9.800đ/m² là mức giá cao nhất của Quyết định 1531 của UBND tỉnh và Quyết định số 88 của UBND huyện T. Bà L đã được áp giá bồi thường với mức giá đất ở 40.000đ/m², đất sản xuất 9.800đ/m² là phù hợp với Quyết định 1531 của UBND tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 88/2004/QĐ-UB của UBND huyện T.

Tham khảo bảng giá đất của tỉnh Hòa Bình tại xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn là xã giáp ranh với xã L, huyện T cùng thời điểm thực hiện dự án, tại Quyết định số 21/2003/QĐ-UBND ngày 30/3/2003 của UBND tỉnh Hòa Bình quy định đơn giá đất ở nông thôn cũng chỉ 24.000đ/m², đến ngày 14/11/2006 UBND tỉnh Hòa Bình mới có văn bản số 1924/UBND-CN cho phép áp dụng

hệ số $K = 2,91$ cho diện tích đất ở bị thu hồi ($24.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 2,91 = 70.000\text{đ}/\text{m}^2$), tuy nhiên tại thời điểm này xã L, huyện T đã thực hiện bồi thường xong. Do đó việc bà Bùi Thị L và các hộ dân xã L thắc mắc so sánh với đơn giá bồi thường đất ở của huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình là không phù hợp.

[3] Về thời điểm áp dụng đơn giá bồi thường: Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/2004 ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định: “*Giá đất bồi thường là giá theo mục đích sử dụng tại thời điểm có Quyết định thu hồi*”. Theo đó, bà L được kiểm kê tháng 3/2004, ngày 04/11/2004 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3506/QĐ-UBND về việc thu hồi đất giao cho BQLDA 5 Bộ Giao thông vận tải để xây dựng đường HCM từ Km95+600 đến Km100 (trong đó có bà L), tháng 2/2005 bà L đã nhận bồi thường, do đó đơn giá bồi thường đất phải được thực hiện theo Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh và Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/8/2003 của UBND huyện T. Việc các hộ yêu cầu áp dụng đơn giá theo biểu số 7 của Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh (đất ở $160.000\text{đ}/\text{m}^2$) là không phù hợp, vì tại thời điểm thu hồi đất Quyết định 4307 chưa có hiệu lực thi hành.

[4] Từ các phân tích nêu trên thấy việc UBND huyện T xác định vị trí, đơn giá đất làm cơ sở trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường về đất đối với bà Bùi Thị L là đúng quy định của pháp luật, theo đó bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy QĐGQKN của Chủ tịch UBND huyện T, hủy QĐGQKN của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa và yêu cầu được áp giá bồi thường lại về đất cho bà Bùi Thị L là không có cơ sở.

[5] Về án phí: Gia đình bà Bùi Thị L thuộc xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bà L là đối tượng được trợ giúp pháp lý nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và miễn án phí hành chính phúc thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí bà đã nộp.

Vì các lẽ trên, Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà Bùi Thị L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 39 Luật đất đai 2003. Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ. Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004. Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bác đơn khởi kiện của bà Bùi Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T, hủy Quyết định số 1096/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc Tr, ông Bùi Quang A và một số công dân xã L, huyện T và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện bồi thường lại đối với hộ bà Bùi Thị L.

2.Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị L được miễn án phí hành chính sơ thẩm và miễn án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả cho bà L 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0004467 ngày 20/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Anh Dũng